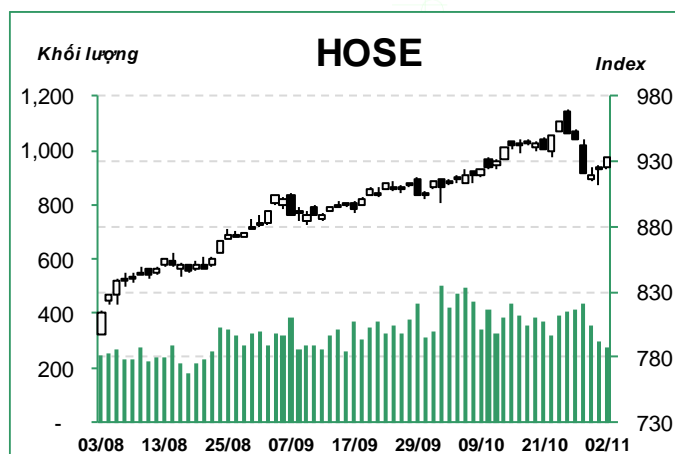


Tổng quan thị trường

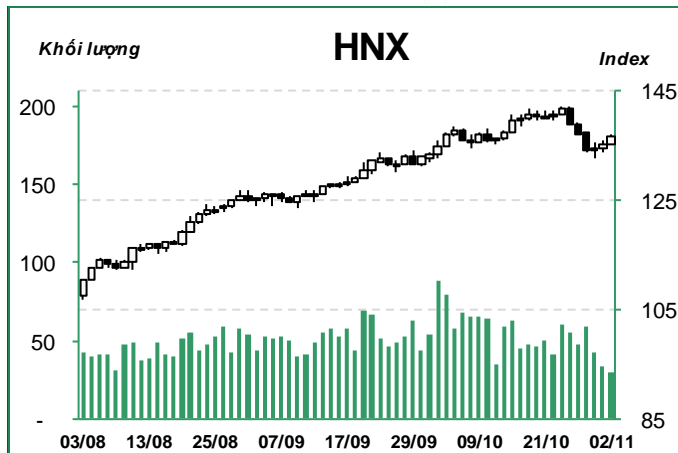
02/11/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	933.68	0.89%	899.27	0.75%	136.87	1.13%
Cuối tuần trước	925.47	0.89%	892.55	0.75%	135.34	1.13%
Trung bình 20 ngày	937.69	-0.43%	896.39	0.32%	138.03	-0.84%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	297.60	-4.84%	85.23	-39.51%	34.15	-4.90%
KLGD khớp lệnh	273.08	-8.24%	83.56	-35.74%	30.17	-10.93%
Trung bình 20 ngày	370.71	-26.34%	148.71	-43.81%	49.81	-39.43%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,343.81	-18.51%	2,644.38	-38.59%	376.99	-13.25%
GTGD khớp lệnh	4,654.24	-23.69%	2,529.45	-36.53%	328.49	-19.49%
Trung bình 20 ngày	7,113.76	-34.57%	4,189.35	-39.62%	671.28	-51.06%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	304	62%	20	67%	79	22%
Số mã giảm	127	26%	7	23%	54	15%
Số mã đứng giá	59	12%	3	10%	222	63%



Thị trường bật tăng trong phiên đầu tuần với việc các chỉ số đóng cửa gần như ở mức cao nhất phiên. Mặc dù vậy, phiên tăng hôm nay vẫn chưa thực sự tích cực khi thanh khoản lại sụt giảm phiên thứ 3 liên tiếp. Bên cạnh đó, việc khối ngoại tiếp tục bán ròng cũng gây sức ép không nhỏ đối với diễn biến chung của thị trường.

Trên sàn HoSE, VN-Index chốt phiên tại mức 933.68 điểm (+0.89%). KLGĐ khớp lệnh đạt 273.1 triệu cổ phiếu (-8.2%), tương đương 4,654 tỷ đồng giá trị (-23.7%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với sự áp đảo của số mã tăng điểm (304 mã tăng so với 127 mã giảm).

Đà tăng của VN-Index hôm nay có đóng góp từ nhiều nhóm ngành, dẫn đầu là nhóm ngân hàng, đặc biệt là bộ đôi



Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
GAB	839.0	160.62
SVC	1,411.0	98.77
SAM	6,847.0	62.10
VNM	530.0	57.00
CTF	1,425.4	29.40
OGC	3,450.0	22.91
NVL	360.0	21.75
SHI	2,297.0	18.77
GEG	1,404.7	18.54
GMD	656.0	15.42
HNX		
CEO	1,614.5	11.20
DNP	598.9	9.70
NTP	135.0	4.73
SHB	281.0	4.50
CVN	200.0	3.40
TNG	262.9	3.34
PVS	270.0	3.28
DHP	275.0	2.28
SHS	159.2	2.15
ACB	78.1	1.88

Vietcombank-VCB (+3.4%) và Vietinbank-CTG (+4.8%). Với nhóm vốn hóa midcap, phân bón là nhóm nổi bật nhất nhờ hỗ trợ tích cực từ thông tin giá dầu giảm mạnh. Đạm Cà Mau-DCM (+6.7%) đóng cửa tăng trần trong khi Đạm Phú Mỹ-DPM (+5.5%), Phân bón Bình Điền-BFC (+5.0%) cũng được mua mạnh. Ngoài ra, Tập đoàn FLC-FLC (+6.9%), FLC AMD-AMD (+4.8%) cũng là những penny có diễn biến sôi động. Ở chiều ngược lại, PV Gas-GAS (-1.0%), Vinamilk-VNM (-0.4%) và Petrolimex-PLX (-1.3%) gây áp lực nhiều nhất đến chỉ số chung.

Khối ngoại duy trì áp lực bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay, đạt giá trị 511.3 tỷ đồng (-9.9%). Lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Masan-MSN (-280.3 tỷ), Hòa Phát-HPG (-73.8 tỷ) và Vincom Retail-VRE (-35.1 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được khối này mua ròng là Vietinbank-CTG (+17.8 tỷ), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+11.3 tỷ), Đạm Phú Mỹ-DPM (+10.5 tỷ).

Có diễn biến tương tự, HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 136.87 điểm (+1.13%). KLGĐ khớp lệnh đạt 30.2 triệu cổ phiếu (-10.9%), tương đương 328.5 tỷ đồng giá trị (-19.5%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.7%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.3%), Vinaconex-VCG (+2.3%) và Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+9.8%) là những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất cho sắc xanh của HNX-Index. Ở chiều ngược lại, Điện miền Trung-SEB (-9.9%), Vicostone-VCS (-0.7%), Dầu tư Tổng hợp Hà Nội-SHN (-4.8%) giảm điểm tiêu cực nhất.

Về giao dịch của khối ngoại, khối này đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn Hà Nội hơn 1.3 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu là Sông Đà 9-SD9 (-0.9 tỷ), Idico-IDC (-0.5 tỷ), Vinaconex-VCG (-0.5 tỷ). Trái lại, Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.8 tỷ), Thạch cao Xi măng-TXM (+0.3 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (+0.1 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số vẫn nằm dưới MA20, cùng với đường -DI nằm trên +DI, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là điều chỉnh, phiên tăng điểm vừa qua có thể nằm trong nhịp hồi kỹ thuật kéo dài 3-5 phiên, với vùng kháng cự quanh vùng 935-940 điểm (MA20). Trong trường hợp, chỉ số không thể vượt qua được áp lực của MA20 thì có thể chỉ số sẽ chịu sức ép điều chỉnh trở lại với vùng hỗ trợ gần quanh ngưỡng tâm lý 900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có

diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp nhưng vẫn nằm dưới MA20 và MA5 cắt xuống MA20, cho thấy xu hướng chính vẫn là điều chỉnh, phiên hồi chỉ mang tính kỹ thuật, với vùng kháng cự mạnh có thể quanh ngưỡng 137.7 điểm (MA20). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là điều chỉnh, phiên tăng điểm ngày 30/10 có thể chỉ nằm trong nhịp hồi kỹ thuật. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp hồi trong phiên để đưa tỷ trọng danh mục về mức an toàn nhằm tránh các biến động tiêu cực từ thị trường.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HTN	29.2	417.6	7.0%
FLC	4.5	32,808.9	6.9%
VAF	9.3	0.0	6.9%
HU1	7.6	15.0	6.9%
TIX	31.0	0.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HOT	35.4	0.0	-6.7%
TNT	2.0	1,610.5	-6.7%
LM8	10.9	0.0	-6.5%
TS4	3.2	0.3	-6.4%
HTL	14.5	2.1	-6.2%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	21.4	493.9	0.2%
MSN	84.5	323.4	0.6%
HPG	30.6	317.1	0.2%
HSG	16.0	243.7	6.3%
CTG	30.4	154.7	4.8%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
WSS	2.2	20.1	10.0%
VIF	18.0	2.0	9.8%
RCL	17.0	0.1	9.7%
SED	15.9	0.1	9.7%
LM7	3.6	0.1	9.1%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SEB	32.9	1.2	-9.9%
PCE	9.8	0.1	-9.3%
VIG	1.0	53.1	-9.1%
FID	1.0	353.7	-9.1%
STP	6.2	3.0	-8.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	24.5	91.5	1.7%
SHB	15.6	25.2	1.3%
PVS	13.2	18.8	1.5%
NVB	8.9	16.9	1.1%
MST	4.0	14.8	5.3%

Top 5 khối lượng

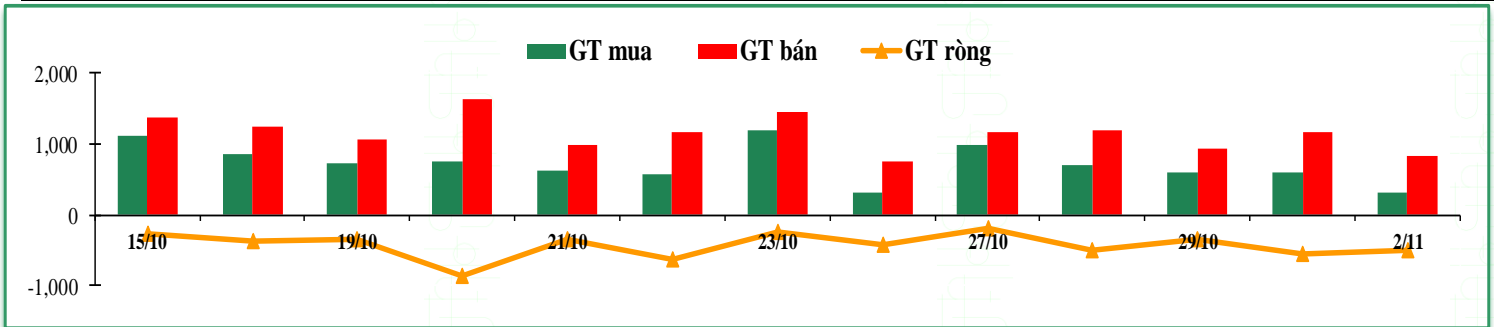
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	4.5	32,808.9	6.9%
TCB	21.4	22,943.7	0.2%
HSG	16.0	15,608.3	6.3%
HQC	1.6	11,356.8	-1.8%
HPG	30.6	10,385.3	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MST	4.0	3,801.8	5.3%
ACB	24.5	3,777.6	1.7%
HUT	2.4	2,025.5	-4.0%
NVB	8.9	1,916.9	1.1%
SHB	15.6	1,636.4	1.3%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	321.7	6.0%	833.0	15.6%	-511.3
HNX	1.8	0.5%	3.1	0.8%	-1.3
Tổng số	323.5		836.1		-512.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	107.6	91.1	-0.4%
CTG	30.4	23.4	4.8%
VIC	106.5	16.6	0.0%
GVR	14.6	11.9	3.2%
PNJ	71.5	11.4	2.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	84.5	291.3	0.6%
VNM	107.6	97.0	-0.4%
HPG	30.6	83.6	0.2%
VRE	25.5	45.6	0.8%
VIC	106.5	38.6	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	30.4	17.8	4.8%
GVR	14.6	11.3	3.2%
DPM	17.2	10.5	5.5%
IMP	49.6	9.6	0.9%
HSG	16.0	4.9	6.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	10.5	0.8	5.0%
TXM	4.9	0.3	6.5%
DXP	12.2	0.1	1.7%
HJS	34.0	0.1	7.9%
CEO	7.0	0.1	2.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SD9	5.9	0.9	0.0%
IDC	26.2	0.5	3.2%
VCG	40.9	0.5	2.3%
SHS	12.4	0.3	0.8%
SD6	2.6	0.3	-3.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	10.5	0.8	5.0%
TXM	4.9	0.3	6.5%
DXP	12.2	0.1	1.7%
HJS	34.0	0.1	7.9%
TNG	11.8	0.1	1.7%

Tin trong nước

Hoàn thành đợt gọi vốn đầu tiên cho quỹ Daiwa-SSIAM III

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) cùng với đối tác là Daiwa Corporate Investment Asia Limited - thuộc Tập đoàn Daiwa Securities - đã hoàn thành đợt gọi vốn đầu tiên cho Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM III (“Daiwa-SSIAM III”).

Daiwa-SSIAM III là quỹ thành viên, đầu tư vào các công ty tư nhân và chưa niêm yết tại Việt Nam (Private Equity – PE). DAIWA-SSIAM III có quy mô dự kiến 100 triệu USD, kỳ hạn 10 năm, thời gian đầu tư 5 năm và chính thức hoàn thành đợt gọi vốn đầu tiên vào ngày 30/10/2020.

Kinh doanh mùa Covid: Tổng lãi của 40 công ty lớn nhất TTCK giảm 30.000 tỷ, nhưng vẫn có nhiều cái tên tăng trưởng mạnh

Tổng hợp tại 40 doanh nghiệp vốn hóa lớn nhất trên TTCK của chúng tôi cho thấy tổng lợi nhuận trước thuế của nhóm này trong 9 tháng đầu năm đạt 162.800 tỷ đồng, giảm 15% so với kết quả 191.300 tỷ đồng của cùng kỳ. Tuy vậy kết quả quý 3 đã cho thấy sự phục hồi nhất định khi tổng lợi nhuận quý 3 chỉ còn giảm 9,2% xuống 62.100 tỷ đồng.

Trong Top 40 có 12 ngân hàng, đạt tổng lợi nhuận 75.700 tỷ đồng, tăng 10% so với 9 tháng đầu năm. Mức tăng trưởng lớn nhất thuộc về VPBank (tăng 31% lên 9.400 tỷ) cùng với Techcombank, Vietinbank, HDBank và TPBank tăng trưởng trên 20%.

Vietcombank vẫn dẫn đầu với 16.000 tỷ (-9%) còn BIDV đi ngang, đạt 7.100 tỷ đồng.

Ba doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng ba chữ số gồm Triển lãm Giảng Võ (do thu nhập lãi tiền gửi), Vinaconex (do thoái vốn khỏi Vinaconex Power, An Khánh JVC) cùng Novaland Group.

Lợi nhuận của Novaland tăng gấp đôi từ 1.900 lên 3.800 tỷ đồng. Một số doanh nghiệp khác có lợi nhuận tăng cao gồm có Hòa Phát, tăng 47% từ 6.800 lên 10.000 tỷ đồng và Viettel Global tăng 47% từ 1.500 tỷ lên 4.300 tỷ đồng.

Có 3 doanh nghiệp ghi nhận lỗ gồm 2 hãng hàng không Vietnam Airlines (lỗ 10.500 tỷ) và Vietjet (lỗ 900 tỷ đồng) cùng với Lọc hóa dầu Bình Sơn - BSR lỗ 4.100 tỷ đồng. Có lãi trở lại hơn 1.100 tỷ trong quý 3 đã giúp Petrolimex có lợi nhuận 193 tỷ đồng trong 9 tháng, giảm 96% so với cùng kỳ.

Các doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận giảm sâu khác gồm có Masan High-Tech Materials (MSR), giảm 96%, Tổng Công ty Cảng hàng không ACV giảm 77%, Masan Group giảm 73%.

Sabeco, PNJ, Vincom Retail, PV Gas, PV Power giảm 20-30% so với 9 tháng đầu năm 2019.

Về lợi nhuận tuyệt đối, VinHomes vẫn dẫn đầu với 23.100 tỷ đồng (+10%). Bên cạnh đó còn có 5 doanh nghiệp khác lãi trên 10.000 tỷ gồm Vietcombank, Vinamilk, Techcombank, Vietinbank và Hòa Phát.

Tin doanh nghiệp niêm yết

18.000 tỷ đồng tiền gửi của Vinamilk đóng góp 50% lợi nhuận tăng thêm

Hơn 20.000 tỷ đồng tiền và tiền gửi, chiếm 40% tổng tài sản

Theo BCTC hợp nhất quý III, tại thời điểm cuối kỳ, Vinamilk (HoSE: VNM) có 2.336 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, giảm hơn 300 tỷ so với đầu năm. Song khoản đầu tư tài chính (chủ yếu tiền gửi có kỳ hạn ngắn) ghi nhận 17.872 tỷ đồng, tăng 44% so với đầu năm. Tổng tiền và tiền gửi của Vinamilk đạt 20.200 tỷ đồng, gần vượt vốn điều lệ 20.899 tỷ đồng và chiếm 40% tổng tài sản.

Lũy kế 9 tháng, Vinamilk đạt doanh thu thuần 45.211 tỷ đồng, tăng 7,4%. Biên lãi gộp giảm và các chi phí đồng loạt tăng nhưng nguồn thu từ hoạt động tài chính tăng giúp lãi ròng cổ đông công ty mẹ doanh nghiệp sữa tăng 6,4%, đạt 8.914 tỷ đồng.

Doanh thu nội địa của Vinamilk tăng trưởng chủ yếu nhờ hợp nhất kết quả kinh doanh với GTN Foods (HoSE: GTN), doanh nghiệp chi phối Mộc Châu Milk. Doanh nghiệp sữa cao nguyên Mộc Châu báo cáo doanh thu tăng 13,7% đạt 775 tỷ đồng quý III, lũy kế 9 tháng tăng 10% đạt 2.142 tỷ đồng. Biên lợi nhuận cải thiện giúp lợi nhuận sau thuế quý III ở mức 102 tỷ đồng, gấp 2,1 lần cùng kỳ năm trước; lũy kế 9 tháng 209 tỷ đồng, tăng 69%.

Phát Đạt lãi quý III tăng 173% cùng kỳ

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) vừa công bố kết quả kinh doanh tăng trưởng trong quý III.

Lũy kế 9 tháng, Phát Đạt đạt gần 2.498 tỷ đồng doanh thu và 718 tỷ đồng lãi sau thuế, lần lượt tăng 6% và 79% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận tăng từ 17% lên 29%. EPS tăng 62% lên 1.882 đồng.

So với kế hoạch năm, công ty đã thực hiện 66% chỉ tiêu doanh thu và 60% chỉ tiêu lợi nhuận.

Phát Đạt ước tính quý IV tới đây sẽ tiếp tục ghi nhận doanh thu còn lại tại Phân khu số 2 và phần tiếp theo của Phân khu số 9 của dự án Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, Bình Định. Với đặc thù ngành bất động sản, điểm rơi lợi nhuận của doanh nghiệp thông thường sẽ được ghi nhận vào quý IV, hứa hẹn sự tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Ban lãnh đạo công ty cho rằng Phát Đạt có thể đạt được các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

REE lãi quý III giảm 14% do hụt thu mảng thủy điện

Cơ điện lạnh (REE Corporation, HoSE: REE) ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 1.504 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn tăng thấp hơn đẩy lợi nhuận gộp tăng 38% đạt 425 tỷ đồng. Biên lãi gộp tăng từ 25% lên 28,2%.

Tuy nhiên, doanh thu tài chính giảm 57% về 40 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng 66% lên 136 tỷ đồng. Theo thuyết minh, khoản lãi tiền gửi của doanh nghiệp giảm gần một nửa từ 65,6 tỷ đồng về 37,9 tỷ đồng. Ở phần chi phí tài chính, lỗ chênh lệch tỷ giá tăng mạnh từ 101 triệu đồng lên 25,2 tỷ đồng và dự phòng giảm giá đầu tư 5,2 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước được hoàn nhập 23 tỷ đồng.

Hoạt động liên doanh, liên kết giảm lãi từ 205 tỷ về 164 tỷ đồng và chi chí quản lý tăng 45% lên 64 tỷ đồng.

Các yếu tố trên khiến lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ của REE đạt 347 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp đa ngành báo cáo doanh thu thuần tăng 11,5% đạt 3.974 tỷ đồng. Song hụt thu từ hoạt động tài chính, liên doanh, liên kết khiến lãi ròng còn 977 tỷ đồng, giảm 18%. Doanh nghiệp thực hiện 65% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DHC	Mua	03/11/20	47.1	47.1	0.0%	52	10.4%	45.7	-3.0%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HSG	Quan sát mua	03/11/20	15.95	18 19-19.5	Phiên bật tăng từ vùng hỗ trợ EMA và break trendline kèm vol cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 15.6-15.7
2	DPM	Quan sát mua	03/11/20	17.15	20-20.5	Phiên tăng mạnh kèm vol, cắt lên lại MA50 còn hướng lên và phủ nhận nền giảm vol tăng trước đó -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 16.8-17
3	ACV	Quan sát mua	03/11/20	62.6	68-70	Nhịp điều chỉnh về MA50 tích cực với vol cạn dần -> chờ phiên break 64 sẽ cho khả năng quay lại xu hướng tăng
4	DPG	Quan sát mua	03/11/20	25.7	30	Nhịp điều chỉnh về MA50 tích cực với vol cạn dần -> chờ phiên break trendline sẽ cho khả năng quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	GEX	Mua	02/11/20	19.05	19	0.3%	21	10.5%	18.3	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 02/11/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	850	0 %	-45%	260	44	56,500	(0)	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,450	3.3 %	57%	1,553	7	51,700	12,413	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2008	1,500	1,440	2.9 %	-4%	12,133	73	51,700	1,017	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,200	1.9 %	-11%	13,442	74	51,700	1,724	HCM	FPT	46,800	3.0	15/01/2021
CFPT2010	7,900	5,350	6.8 %	-32%	40	75	51,700	1,162	HCM	FPT	52,000	1.0	16/01/2021
CFPT2011	1,700	1,660	3.1 %	-2%	10	150	51,700	990	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	1,480	2.1 %	-1%	2,809	183	51,700	713	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	3,750	5.0 %	-1%	20	157	51,700	1,299	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CHPG2008	4,100	9,660	0.7 %	136%	25,855	76	30,600	9,761	HCM	HPG	22,910	0.8	17/01/2021
CHPG2012	6,100	11,450	-0.4 %	88%	2,615	78	30,600	11,294	HCM	HPG	21,680	0.8	19/01/2021
CHPG2013	6,900	13,450	-1.3 %	95%	1,250	29	30,600	13,761	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	12,490	1.3 %	73%	2,105	168	30,600	11,476	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	12,000	1.3 %	79%	1,689	119	30,600	11,370	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	5,250	-1.9 %	139%	17,341	73	30,600	5,133	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	3,500	7.7 %	115%	29,478	46	30,600	3,288	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CHPG2020	5,700	7,300	3.1 %	28%	201	240	30,600	5,726	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	3,700	-0.3 %	54%	50	150	30,600	2,975	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021
CHPG2022	2,100	3,200	-2.1 %	52%	17,135	183	30,600	2,238	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2023	2,100	3,530	-2.2 %	68%	12,069	71	30,600	2,347	ACBS	HPG	28,500	1.0	12/01/2021
CHPG2024	2,200	2,980	2.8 %	35%	3,788	157	30,600	1,932	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CMBB2003	2,000	2,590	6.2 %	30%	1,617	7	18,000	2,619	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	2,090	0.5 %	49%	13,314	73	18,000	1,938	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMBB2008	3,400	2,680	3.9 %	-21%	60	148	18,000	300	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMSN2001	2,300	3,770	13.2 %	64%	7,404	44	84,500	3,782	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2006	1,900	5,230	0.8 %	175%	840	73	84,500	5,756	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	6,100	5.7 %	299%	3,013	35	84,500	6,325	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMSN2010	4,800	15,580	11.7 %	225%	7	148	84,500	15,028	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	2,000	6,670	6.4 %	234%	110	150	84,500	6,606	HCM	MSN	52,000	5.0	01/04/2021
CMWG2007	12,900	22,270	17.8 %	73%	1,614	28	106,400	20,764	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2010	1,400	2,800	10.2 %	100%	56,923	73	106,400	2,621	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,750	3.3 %	59%	1,018	46	106,400	4,259	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,170	10.0 %	41%	5,610	98	106,400	5,722	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CMWG2013	12,000	12,000	6.2 %	0%	195	240	106,400	8,139	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2014	2,500	2,850	17.3 %	14%	1,460	67	106,400	671	BSI	MWG	107,000	3.9	08/01/2021
CNVL2001	2,300	1,800	-9.6 %	-22%	500	44	62,300	0	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,020	2.0 %	1%	533	128	62,300	673	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2006	1,000	1,490	14.6 %	49%	42,822	73	71,500	1,280	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,930	22.8 %	135%	2,337	18	71,500	3,713	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	4,540	17.3 %	50%	19,482	98	71,500	4,367	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CPNJ2009	1,400	2,400	27.0 %	71%	2,782	150	71,500	1,783	HCM	PNJ	58,000	8.0	01/04/2021
CREE2005	1,300	2,420	-4.4 %	86%	861	73	41,550	2,303	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	130	8.3 %	-87%	22,571	44	2,250	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	300	-33.3 %	-90%	2,015	44	14,700	(0)	KIS	SBT	20,450	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,880	6.2 %	11%	13,314	44	13,450	1,596	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,420	1.7 %	73%	1,834	28	13,450	2,471	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2006	1,500	1,310	1.6 %	-13%	402	154	13,450	588	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,200	6.7 %	113%	2,667	18	13,450	3,263	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	2,900	7.4 %	76%	7,054	46	13,450	2,584	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CSTB2011	2,700	1,430	0.7 %	-47%	339	148	13,450	424	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2012	2,500	2,010	3.1 %	-20%	1	150	13,450	1,090	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CTCB2005	3,000	1,300	0 %	-57%	18,078	28	21,400	40	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2007	1,700	1,700	-0.6 %	0%	29,271	73	21,400	792	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,600	6.7 %	-7%	18,171	46	21,400	738	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CTCB2009	4,400	2,510	1.2 %	-43%	22,051	148	21,400	940	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	1,450	-2.7 %	-28%	92,716	150	21,400	591	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CVHM2001	3,100	500	0 %	-84%	3	44	75,900	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	3,800	-2.6 %	-67%	1,320	28	75,900	352	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2005	1,400	710	-4.1 %	-49%	2,240	73	75,900	87	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,620	1.3 %	-44%	36,082	98	75,900	659	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVHM2009	1,400	1,290	1.6 %	-8%	3,456	150	75,900	656	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	-	0 %	-100%	-	183	75,900	495	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVIC2006	1,700	2,630	10.5 %	55%	5,531	150	106,500	2,051	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVJC2001	2,400	140	-12.5 %	-94%	53	44	104,900	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2005	2,000	1,240	14.8 %	-38%	4,620	98	104,900	632	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,790	4.5 %	-4%	3,505	28	107,600	15,291	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2007	2,400	1,370	3.0 %	-43%	1,500	128	107,600	309	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,230	4.7 %	24%	10,286	73	107,600	1,775	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,700	3.9 %	49%	20,245	35	107,600	2,443	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,710	5.0 %	1%	3,303	98	107,600	2,192	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVNM2012	7,700	5,240	1.0 %	-32%	5,179	148	107,600	2,069	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,560	1.3 %	-18%	51	150	107,600	738	HCM	VNM	104,000	10.0	01/04/2021
CVPB2006	3,400	1,090	-5.2 %	-68%	5,871	28	23,800	195	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2008	1,800	1,650	6.5 %	-8%	6,864	73	23,800	1,007	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,900	5.6 %	17%	3,864	18	23,800	1,812	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVPB2010	4,700	3,120	5.1 %	-34%	1	148	23,800	1,427	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	1,680	1.2 %	-12%	5,305	183	23,800	894	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	1,730	3.6 %	-14%	1	150	23,800	987	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2003	3,000	170	6.3 %	-94%	5,206	44	25,500	(0)	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,050	-3.7 %	-74%	1,088	28	25,500	0	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2007	1,520	360	-20.0 %	-76%	13,325	154	25,500	15	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,130	4.6 %	-6%	10,249	73	25,500	139	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021
CVRE2012	1,300	900	11.1 %	-31%	30,970	150	25,500	293	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
FMC (New)	HOSE	30,300	35,400	29/10/2020	196	3,997	19,396	21%	11.9%	8.9	1.8	25%
TNG (New)	HNX	11,800	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
TCM (New)	HOSE	24,300	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,150	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC	HOSE	14,100	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	19,100	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	11,750	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	62,600	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	27,100	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	49,550	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	56,500	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	45,950	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	85,800	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	46,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	56,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	25,500	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	9,500	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	106,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn